

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2026/HS-ST
Ngày 10 - 8 - 2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trọng Hiếu và bà Nông Diệu Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng (Cơ sở 2: xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 126/2026/TLST - HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị B; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/9/1987 tại: xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Số CCCD: 004187006445.

Nơi thường trú: xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Đinh Ích Đ (sinh năm 1967) và bà Hoàng Thị L (sinh năm 1964); Chồng, con: Nông Đình Q (sinh năm 1987) và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 25/01/2026. Đến ngày 03/02/2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng đến nay. (Có mặt)

2. Đàm Văn S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/01/1982 tại: xã Q, tỉnh Cao Bằng; Số CCCD: 004082007772.

Nơi thường trú: xóm S - L, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Đàm Văn T (sinh năm 1943) và bà Nông Thị T1 (sinh năm 1947); Vợ, con: Hoàng Thị T2 (sinh năm 1984) và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/5/2011 bị Công an xã T, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 30/01/2026. Đến ngày 03/02/2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm S - L, xã Q, tỉnh Cao Bằng đến nay. (Có mặt)

3. Nông Thị B1; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/4/1991 tại: xã H, tỉnh Cao Bằng; Số CCCD: 004191009373.

Nơi thường trú: xóm L, xã H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Nông Văn T3 (sinh năm 1969) và bà Đàm Thị T4 (sinh năm 1969); Chồng, con: Ngân Văn T5 (sinh năm 1990 – đã ly hôn năm 2025) và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm L, xã H, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 03/02/2026 đến nay. (Có mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1982. Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

+ Ông Nông Văn M, sinh năm 1969. Địa chỉ: xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt có lý do)

+ Ông Triệu Văn V, sinh năm 1986. Địa chỉ: xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt có lý do)

+ Ông Nông Văn S1, sinh năm 1971. Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng;

+ Ông Nông Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng;

+ Ông Nông Văn Q1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Hồ N, T, Cao Bằng;

+ Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn H, xã P, Hà Nội;

+ Bà Trịnh Thị L2, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn H, xã P, Hà Nội.

(Điều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/01/2026 Tổ công tác Đội 3, Phòng C1 Công an tỉnh C đang làm nhiệm vụ tại khu vực xã Đ, tỉnh Cao Bằng phát hiện Hoàng Văn L1 (Sinh năm 1982, trú tại: xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề trái pháp luật. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động có nhãn hiệu Iphone có gắn số thuê bao 0972093181 của L1 phát hiện trong ứng dụng Zalo có nội dung mua các số lô, số đề trái phép với Đinh Thị B (Sinh năm: 1987, trú tại: xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng) trong ngày 23/01/2026 với tổng số tiền là 1.770.000, đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đến 18 giờ 35 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đinh Thị B thuộc xóm C, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Quá trình khám xét Biểu tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu động nhãn hiệu VIVO có gắn 02 (hai) số thuê bao 0383.831.910 và 0976743098. Biểu thừa nhận sử dụng chiếc điện thoại này để nhận số lô, số đề của khách chơi. Tiến hành kiểm tra dữ liệu trong điện thoại phát hiện trong tài khoản Z “Tuthuonglayminh” được đăng ký bằng số điện thoại 0383.831.910 để nhận số lô, số đề trái pháp luật chuyển đến cho Đàm Văn S (Sinh năm: 1982, nhà ở xóm S - Lũng Ngùa, xã Q, tỉnh Cao Bằng) đến tài khoản Zalo của S được B lưu tên là “CSR”. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Văn S tại xóm S - L, xã Q, tỉnh Cao Bằng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt sau có màu tím xanh có số IMEI1:865222042607618; IMEI2:865222042607600 điện thoại cũ đã qua sử dụng có gắn 02 (hai) số thuê bao 0988584355 và 0366992988. Quá trình kiểm tra điện thoại phát hiện trong ứng dụng Zalo tài khoản “Damvanson” được đăng ký 0988584355 có nội dung, hình ảnh liên quan đến việc nhận số lô, đề trái pháp luật và nhiều cấp xổ số lô tô của công ty TNHH một thành viên X.

Quá trình điều tra xác định được: Do có quan hệ quen biết với Đàm Văn S từ trước, khoảng tháng 5/2025 biết S nhận ghi số lô, số đề trái phép nên Đinh

Thị B đặt vấn đề sẽ ghi số lô, số đề trái phép với khách hàng để chuyển cho S hưởng phần trăm. S, B thỏa thuận với nhau về cách thức nhận, tỷ lệ cá cược, lấy kết quả của xổ số Miền Bắc hàng ngày làm căn cứ trả thưởng với các hình thức: Đối với số đề, Biều không trừ phần trăm cho khách mua, sau đó chuyển cho S 87%; Biều được hưởng 13%. Đối với chơi số lô: Mỗi một điểm lô, Biều nhận của khách là 24.000,đ chuyển cho S là 23.000,đ/1 điểm, Biều được hưởng 1.000,đ/1 điểm. Đối với hình thức chơi ba càng, Biều không trừ phần trăm cho khách mua, khách mua số đề 100.000,đ, Biều chuyển cho S thì S chỉ thu 87.000,đ, B được hưởng số tiền 13.000,đ/ tổng tiền khách chơi cược, trúng thưởng thì 1 được gấp 80 lần. Đối với ba càng thì B nhận của khách chơi và chuyển cho S thì B được hưởng 5% tổng tiền khách chơi. Hình thức nhận và chuyển số lô, số đề trái phép: khi nhận được tin nhắn ghi số lô, số đề trái phép của người chơi qua Zalo thì Biều nhắn lại bằng hình thức thả tim, sau đó chuyển trực tiếp tin nhắn của người chơi qua Z cho S hoặc tổng hợp lại rồi chụp ảnh gửi cho S trước 18 giờ hàng ngày, khi nhận được tin nhắn của B thì S cũng nhắn lại bằng hình thức thả tim. Về cách thức thanh toán: sau khi có kết quả xổ số thì S và B sẽ thống nhất tiền thắng thua theo tỷ lệ cá cược, chốt số tiền nếu S thắng thì B sẽ chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng cho S, nếu Biều thắng thì S sẽ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho B để thanh toán cho người chơi.

Bằng hình thức như trên xác định được: Trong thời gian 02 (hai) ngày từ ngày 23/01/2026 và ngày 24/01/2026, B đã có hành vi mua bán số lô, số đề trái phép với tổng tiền là 8.594.000,đ. Trong đó ngày 23/01/2026 Biều bán số lô, số đề trái phép cho Hoàng Văn L1 sau đó chuyển cho S tổng số tiền đánh bạc là 2.570.000,đ (trong đó số tiền ghi là 1.770.000,đ; số tiền trúng thưởng là 800.000,đ), B sẽ được hưởng lợi với số tiền là 102.900,đ; Ngày 24/01/2026 Biều bán số lô, số đề trái phép cho khoảng 07 người chơi sau đó chuyển cho S với tổng số tiền đánh bạc là 6.824.000,đ. Đối với số tiền ghi số lô, số đề trái phép ngày 24/01/2026 có 03 người chơi đã thanh toán cho B với tổng số tiền 950.000đ Biều chưa thanh toán cho S. Trong 07 người ghi số lô, số đề trái phép với Biều ngày 24/01/2026 có Nông Thị B1 (sinh ngày 17/4/1991, trú tại: xóm L, xã H, tỉnh Cao Bằng) ghi số lô, số đề trái phép với B với tổng số tiền là 5.024.000,đ. Trong đó, số tiền đánh bạc là 3.744.000,đ, số tiền thắng bạc là 1.280.000,đ (giữa Biều với B1 chưa thanh toán tiền ghi số lô, số đề trái phép với nhau).

Đối với việc ghi, nhận số lô, số đề trái phép S khai nhận sau khi nhận với B thì S chuyển tiếp qua tài khoản Zalo “co van cang” cho người phụ nữ tên V1,

khoảng 50 tuổi, địa chỉ 145 P, Y, G, thành phố Hà Nội của V1) để hưởng phần trăm.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSCBG - P2 ngày 03 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng để xét xử về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đàm Văn S, Đinh Thị B, Nông Thị B1 thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Bị cáo B khai:

Ngày 23/01/2026 có Hoàng Văn L1 đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo tổng số tiền là 1.770.000, đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), sau đó bị cáo chuyển cho bị cáo S số lô số đề mà L1 đã mua. L1 trúng thưởng là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền đánh bạc L1 chưa chuyển cho bị cáo B, số tiền trúng thưởng bị cáo cũng chưa nhận được nên chưa trả thưởng cho L1 và bị cáo B cũng chưa được hưởng lợi nhuận theo thỏa thuận với số tiền là 102.900 đồng (Một trăm linh hai nghìn, chín trăm đồng).

Ngày 24/01/2026 có: Nông Thị B1 đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo tổng số tiền là 3.744.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), sau đó bị cáo chuyển cho bị cáo S số lô số đề mà B1 đã mua. Bền trúng thưởng là 1.280.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền đánh bạc B1 chưa chuyển cho bị cáo B, số tiền trúng thưởng bị cáo cũng chưa nhận được nên chưa trả thưởng cho B1; có Quyết định đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), Hội đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Sòì đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), M đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng), V đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng). Những người này đã thanh toán tiền bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản cho bị

cáo và đều không trúng thưởng, số tiền bị cáo nhận từ những người này chưa chuyển lại cho bị cáo S. Ngoài ra, còn có người sử dụng tài khoản Zalo “Lương Cường” đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền là 480.000 đồng (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng chưa thanh toán cho bị cáo, người này bị cáo không quen biết cũng không biết đầy đủ tên, năm sinh và địa chỉ. Bị cáo B cũng chưa được hưởng lợi nhuận theo thỏa thuận của ngày ghi 24/01/2026.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y100, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo bị thu giữ, bị cáo có được sử dụng chiếc điện thoại này để đăng nhập tài khoản Zalo và nhận số lô, số đề với các đối tượng, chuyển cho bị cáo S các số lô số đề đã ghi được trong ngày.

- Bị cáo S khai:

Ngày 23/01/2026 và ngày 24/01/2026 bị cáo có được nhận số lô, số đề với bị cáo B đúng như bị cáo B đã khai ở trên. Tuy nhiên, số tiền có được từ việc ghi số lô số đề Biểu đều chưa chuyển lại cho bị cáo, số tiền trúng thưởng cả bị cáo, bị cáo B và những người mua số lô số đề cũng chưa được trả thưởng. Đối với số tiền thỏa thuận hưởng lợi đúng như bị cáo B đã trình bày. Bị cáo cũng chưa được hưởng lợi nhuận theo thỏa thuận từ việc đánh bạc.

Đối với 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, có mặt sau màu tím - xanh, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo, bị cáo có được sử dụng chiếc điện thoại này để đăng nhập tài khoản Zalo và nhận số lô, số đề với bị cáo B, chuyển lại cho tài khoản Zalo “co van cang” các số lô, số đề đã ghi được trong ngày. Ngoài ra, còn thu giữ tại nhà của bị cáo các tờ cấp xổ số lô tô không có giá trị.

- Bị cáo B1 khai: Ngày 24/01/2026 bị cáo đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo B tổng số tiền là 3.744.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), sau đó bị cáo trúng thưởng là 1.280.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền đánh bạc bị cáo chưa chuyển cho bị cáo B, số tiền trúng thưởng bị cáo cũng chưa nhận được từ bị cáo B;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 khai: Trong ngày 23/01/2026, L1 có hành vi đánh bạc qua ứng dụng Zalo bằng hình thức mua số lô, số đề với Đinh Thị B với tổng số tiền là 1.770.000, đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). L1 trúng thưởng là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền đánh bạc L1 chưa chuyển cho bị cáo B, số tiền trúng

thường L1 cũng chưa nhận được. Ngoài ra, L1 còn bị thu giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max, điện thoại đã qua sử dụng. L1 có sử dụng chiếc điện thoại này để đăng ký tài khoản Zalo và ghi số lô số đề với bị cáo B qua tài khoản Zalo trên điện thoại này.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 phạm tội “*Dánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thị B. Xử phạt bị cáo B từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Văn S. Xử phạt bị cáo S từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Thị B1. Xử phạt tiền bị cáo Nông Thị B1 từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 pro max, có số IMEI: 352846113285795, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng bình thường, điện thoại được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO

Y100, số IMEI 1: 865204078435098, IMEI 2: 865204078435080, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng được bình thường được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 865222042607618, IMEI 2: 86522042607600, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng bình thường, điện thoại được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan.

Xác nhận số vật chứng trên Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật Công an tỉnh C đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 04/6/2026.

Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng kiến nghị với Cơ quan điều tra về việc thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 142/2024/NĐ-CP ngày 30/10/2024 về bảo quản vật chứng, cụ thể trong hồ sơ vụ án có thu giữ các tờ vé số của công ty TNHH một thành viên X và 03 điện thoại di động nhưng chỉ nhập kho vật chứng 03 điện thoại.

Tịch thu tiêu hủy: Các tờ vé số của công ty TNHH một thành viên X không có giá trị thu giữ tại nhà bị cáo S do liên quan đến hành vi phạm tội.

Truy thu bị cáo Đinh Thị B số tiền 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu bị cáo Nông Thị B1 số tiền 3.744.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 số tiền 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét

xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1. Cụ thể: Do háms lợi nên Đinh Thị B, Đàm Văn S và Nông Thị B1 đã có hành vi Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép. Trong đó, xác định được ngày 24/01/2026 S, Biểu đánh bạc với tổng số tiền là 6.824.000,đ; Bền đánh bạc số tiền 5.024.000 đồng. Đối với số tiền ghi số lô, số đề trái phép ngày 24/01/2026 có 05 người chơi đã thanh toán cho B với tổng số tiền 1.320.000,đ. Biểu chưa thanh toán cho S.

[3]. Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Hành vi đánh bạc là tệ nạn xã hội, hiện nay phổ biến trên cả nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nói riêng, đánh bạc là một trong những nguyên nhân gây ra rất nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên việc truy tố và đưa ra xét xử trước pháp luật là rất cần thiết. Do đó, cần thiết phải xử phạt các

bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về vai trò: Trong vụ án này bị cáo B và bị cáo S là đồng phạm với nhau, đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người có vai trò chính và quan trọng nhất nên phải chịu hình phạt cao hơn, bị cáo B là người có vai trò quan trọng thứ hai là thư ký nhận số lô, số đề và chuyển cho bị cáo S; bị cáo B1 là người trực tiếp mua số lô, số đề để hưởng lợi nếu trúng.

Về nhân thân: Các bị cáo B, B1, S có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Riêng đối với bị cáo S, ngày 30/5/2011 bị Công an xã T, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hiện nay gia đình bị cáo S thờ cúng liệt sĩ; bị cáo B có bố chồng tên Nông Đình T7 được tặng thưởng H1 Huy chương kháng chiến Hạng Nhất và Hạng B2, Huân chương chiến sĩ giải phóng Hạng Nhì. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nông Thị B1 có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo đã tạm nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án,

mục đích phạm tội cũng chỉ vì hám lợi. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có khả năng đề thi hành án trong trường hợp bị phạt tiền nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tiền theo điều luật đã quy định là có căn cứ, vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đối với các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S: Theo quy định của pháp luật, các bị cáo có thể được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo không có khả năng thi hành để áp dụng hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tiền tiết kiệm nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 03/VBHN - TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/7/2025, Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 là phù hợp, cũng đủ sức răn đe để các bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo B, S được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, điều đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Xét mức độ tham gia của từng bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S thấy rằng: Cả hai bị cáo đều tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo S là người có vai trò chính và quan trọng nhất; bị cáo B là người có vai trò quan trọng thứ hai là thư ký nhận số lô, số đề và chuyển cho bị cáo S. Do đó, bị cáo S phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo B là có căn cứ.

Như vậy, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo Nông Thị B1 đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, còn các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S đang cư trú tại

vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Các nhận định khác:

Đối với các đối tượng Hoàng Văn L1, Nông Văn H, Nông Văn Q1, Nông Văn S1, Nông Văn M, Triệu Văn V đã có hành vi ghi số lô, số đề trái phép với Đinh Thị B số tiền đánh bạc của những người này đều dưới 5.000.000 đồng. Qua xác minh các đối tượng chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) đối với các đối tượng trên về hành vi đánh bạc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với người sử dụng tài khoản Zalo "Lương C" mua số lô, số đề với Đinh Thị B, quá trình điều tra không xác định được người sử dụng tài khoản trên, ngoài lời khai của bị cáo B thì không có tài liệu nào khác chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đủ căn cứ xử lý là đúng quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh điều tra, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Đối với người phụ nữ tên V1 mà Đàm Văn S khai nhận đã chuyển số lô, số đề thông qua tài khoản Zalo "co van cang" được đăng ký bằng số điện thoại +84978346927. Quá trình điều tra xác minh, xác định được là Trịnh Thị L2 (Sinh năm: 1959, trú tại: Thôn H, xã P, thành phố Hà Nội) L2 không thừa nhận được nhận số lô, số đề từ S. Tiến hành kiểm tra điện thoại của S, L2 không phát hiện dữ liệu, tài liệu gì liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với L2 về hành vi đánh bạc. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh điều tra, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Đối với tài khoản Ngân hàng của người đàn ông có tên Nguyễn Văn T6, sinh năm 1958 (địa chỉ: Thôn H, xã P, Hà Nội) mà Đàm Văn S đã chuyển tiền. Người đàn ông đó khai không quen biết người nào có thông tin tên Đàm Văn S, sinh ngày 06/01/1982 (địa chỉ: xóm S - L, xã Q, tỉnh Cao Bằng) cũng không biết đây có phải là của Đàm Văn S có thông tin như trên hay không vì khi nhận tiền chuyển vào tài khoản là do vợ tên Trịnh Thị L2 bảo nhận giúp. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với T6 về hành vi đánh bạc. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh điều tra, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max, điện thoại có số IMEI: 352846113285795, có gắn sim thuê bao 0972.093.181, điện thoại đã qua sử dụng của Hoàng Văn L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y100, điện thoại có số IMEI (khe 1): 865204078435098, IMEI (khe 2): 865204078435080, có gắn sim thuê bao 0383.831.910 và 0976.743.098, điện thoại đã qua sử dụng của Đinh Thị B và 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, có mặt sau màu tím - xanh, số IMEI 1: 865222042607618, IMEI 2: 86522042607600, điện thoại được gắn 02 sim, sim 1 số 0988.584.355 và sim 2 số 0366.992.988, điện thoại đã qua sử dụng có thu giữ của Đàm Văn S đều liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng kiến nghị Cơ quan điều tra về việc thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 142/2024/NĐ-CP ngày 30/10/2024 về bảo quản vật chứng, cụ thể trong hồ sơ vụ án có thu giữ các tờ vé số của công ty TNHH một thành viên X và 03 điện thoại di động nhưng chỉ nhập kho vật chứng 03 điện thoại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy các tờ vé số của công ty TNHH một thành viên X không có giá trị thu giữ tại nhà bị cáo S.

Tại phiên tòa xác định được số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc cần truy thu để sung vào Ngân sách Nhà nước của bị cáo Đinh Thị B là 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), bị cáo Nông Thị B1 số tiền là 3.744.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 là 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

[9]. Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 đều có đơn đề nghị miễn giảm án phí, trong đơn thể hiện, các bị cáo đang cư trú tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, các bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thị B;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Văn S;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị B1.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Thị B 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn S 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt tiền bị cáo Nông Thị B1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nông Thị B1 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai số 0000031 ngày 14/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Giao bị cáo Đinh Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cao Bằng; bị cáo Đàm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 pro max, có số IMEI: 352846113285795, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng bình thường, điện thoại được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y100, số IMEI 1: 865204078435098, IMEI 2: 865204078435080, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng được bình thường được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 865222042607618, IMEI 2: 86522042607600, đã qua sử dụng và vẫn sử dụng bình thường, điện thoại được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của các thành phần có liên quan.

Xác nhận số vật chứng trên Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật Công an tỉnh C đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 04/6/2026.

Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh C về việc thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 142/2024/NĐ-CP ngày 30/10/2024 về bảo quản vật chứng, cụ thể trong hồ sơ vụ án có thu giữ các tờ vé số của công ty TNHH X kiến thiết miền bắc và 03 điện thoại di động nhưng chỉ nhập kho vật chứng 03 điện thoại.

Tịch thu tiêu hủy: Các tờ vé số của công ty TNHH một thành viên X không có giá trị thu giữ tại nhà bị cáo S do liên quan đến hành vi phạm tội.

Truy thu bị cáo Đinh Thị B số tiền 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu bị cáo Nông Thị B1 số tiền 3.744.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc để sung vào Ngân sách Nhà nước đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 số tiền 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Đinh Thị B, Đàm Văn S, Nông Thị B1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1. Vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn M, Triệu Văn V, Nông Văn S1, Nông Văn H, Nông Văn Q1, Nguyễn Văn T8, Trịnh Thị L2. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn M, Triệu Văn V, Nông Văn S1, Nông Văn H, Nông Văn Q1, Nguyễn Văn T6, Trịnh Thị L2 vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- Cơ quan điều tra - CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Cao Bằng (PV06);
- Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - CA tỉnh Cao Bằng (PC10)
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Đoài Dương, Quang Trung, Hạnh Phúc (Bằng T/B);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bé Thị Thùy Linh